TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 02/2025/KDTM-GĐT Ngày 07/01/2025 V/v tranh chấp hợp đồng thi công hoàn thiện mặt bằng phá đá	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Nguyễn Văn Dũng;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chí Thị Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Sáu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại *"Tranh chấp hợp đồng thi công hoàn thiện mặt bằng phá đá"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Q.

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T - Nhân viên Công ty (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2019).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần N.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quốc H - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thế A (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn là Công ty TNHH Q (do anh Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Q (viết tắt là Công ty Q) thỏa thuận lập Hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐ-EBC ngày 16/11/2018 với Công ty Cổ phần N (viết tắt là Công ty N) để hoàn thiện khối lượng mặt bằng phá đá. Giá trị của hợp đồng là 2.050.000.000 đồng. Công ty N sẽ trả tiền cho Công ty Q theo 03 đợt gồm: đợt 1 tạm ứng 30% giá trị tương ứng số tiền 615.000.000 đồng, đợt 2 thanh toán 40% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 820.000.000 đồng khi Công ty Q thi công được 50% khối lượng hợp đồng; đợt 3 thanh toán hết 100% giá trị hợp đồng sau khi Công ty Q hoàn thành tất cả các công việc trong hợp đồng. Thời gian thi công là 40 ngày, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 19/11/2018 đến ngày 29/12/2018.

Sau khi thỏa thuận xong các nội dung trên, Công ty N soạn thảo hợp đồng gửi cho Công ty Q và hai bên có bổ sung, sửa chữa chuyển qua lại nhiều lần mới đi đến thống nhất. Công ty N chuyển bản hợp đồng soạn thảo đã thống nhất các nội dung cho Công ty Q ký. Sau khi ký xong, Công ty Q chuyển bản gốc hợp đồng cho Công ty N ký nhưng không thấy Công ty N hoàn lại bản hợp đồng gốc đã ký nên Công ty Q nhiều lần nhắn tin qua Email, điện thoại, Zalo đều được phía Công ty N thống nhất nội dung của hợp đồng. Vì vậy, ngày 16/11/2018, Công ty N chuyển cho Công ty Q 30% giá trị hợp đồng tương ứng 615.000.000 đồng và Công ty Q tiến hành khởi công theo đúng thỏa thuận. Trong quá trình thi công, do mức độ khó khăn của công trình, cần thêm thời gian và chi phí để hoàn thiện mặt bằng nên hai bên tiếp tục thỏa thuận lập Phụ lục hợp đồng bổ sung cho Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC với giá trị 2.100.000.000đ; thời gian thực hiện là 30 ngày. Bản phụ lục hợp đồng cũng đã được Công ty Q ký và chuyển cho Công ty N nhưng Công ty N vẫn không chuyển bản ký gốc cho Công ty Q. Mặc dù vậy, Công ty Q vẫn hoàn thành 50% khối lượng công trình và được Công ty N thanh toán 676.500.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng. Sau khi nhận tiền, Công ty Q tiếp tục hoàn thành phần công trình còn lại theo đúng yêu cầu và tiến độ thỏa thuận; đã được phía Công ty N đưa vào sử dụng lắp pin năng lượng mặt trời ngay trên toàn bộ mặt bằng Công ty Q thi công. Công ty N đã cử người vào thanh tra nhưng không có ý kiến gì về chất lượng, cũng không nghiệm thu công trình theo đề nghị của Công ty Q. Công ty Q nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền còn lại đều không nhận được ý kiến phản hồi.

Vì vậy, Công ty Q khởi kiện yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền còn lại 1.435.000.000 đồng theo hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC và thanh toán số tiền còn lại 1.423.500.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng, trả tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất ngân hàng từ ngày 08/4/2019 đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là Công ty Cổ phần N (do ông Hoàng Thế A và ông Nguyễn Đức P là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty N bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi: Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC ngày 16/11/2018 chưa được giao kết theo quy định của Luật xây dựng năm 2014 và Bộ luật dân sự năm 2015 nên giao dịch này vô hiệu. Quá trình Công ty Q thi công mặt bằng phá đá cho Công ty N là tự soạn thảo hợp đồng, đóng dấu ký tên và chuyển cho nhân viên bên Công ty N nhưng chưa được lãnh đạo chấp thuận ký kết.

Nội dung trong dự thảo hợp đồng do Công ty Q đề xuất mới chỉ là đề nghị giao kết hợp đồng, thể hiện ý chí đơn phương và có tính chất áp đặt của Công ty Q; chưa được lãnh đạo Công ty N chấp nhận trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng nên chưa có giao kết hợp đồng liên quan đến các hạng mục thi công phá đá trên công trường dự án. Tuy nhiên, do tin tưởng và dựa trên tinh thần thiện chí, hợp tác cũng như xác minh thực sự Công ty Q có thực hiện việc phá đá nên theo đề xuất của Công ty Q, Công ty N đã chuyển tạm ứng cho Công ty Q 2 lần với tổng số tiền 1.291.500.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020 và Biên bản hòa giải ngày 05/3/2020, ông Nguyễn Đức P xác nhận Công ty N có chuyển tạm ứng cho Công ty Q 2 lần với tổng số tiền 1.291.500.000 đồng; trong đó chuyển số tiền 615.000.000 đồng tương đương 30% giá trị của Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC. Sau đó, căn cứ vào đề xuất của nhân viên được Công ty phân công quản lý, giám sát công trình là ông Nguyễn Văn V, ông Trương Huỳnh Quang H1 về khối lượng thi công của công trình, Công ty N tiếp tục tạm ứng cho Công ty Q 676.500.000 đồng tính trên giá trị của Phụ lục hợp đồng để Công ty Q hoàn thiện mặt bằng, khi có biên bản nghiệm thu sẽ chuyển toàn bộ phần hợp đồng còn lại. Sau khi Công ty Q hoàn thiện mặt bằng, Công ty N đã đưa mặt bằng vào sử dụng, mặt bằng này đúng vị trí, diện tích theo nhu cầu của Công ty N, không có vấn đề gì về chất lượng. Tuy nhiên, qua kiểm tra khối lượng trên Nhật ký thi công phá đá của Công ty Q, Công ty N cho rằng giá trị thi công chỉ là 602.768.000 đồng nhưng Công ty N đã tạm ứng cho Công ty Q 1.291.500.000 đồng là vượt xa giá trị thực tế Công ty Q thực hiện. Công ty N đề nghị Công ty Q cung cấp tài liệu để xác định khối lượng thi công nhưng Công ty Q không cung cấp được.

Ngày 04/3/2020, Công ty N có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty Q hoàn trả toàn bộ số tiền 1.291.500.000 đồng Công ty N đã chuyển tạm ứng cho Công ty Q, vì cho rằng lãnh đạo Công ty N chưa ký hợp đồng và Phụ lục hợp đồng nên không có căn cứ pháp lý.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13, 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Q.

Buộc Công ty cổ phần N phải tiếp tục thanh toán số tiền 1.435.000.000 đồng theo Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC và thanh toán số tiền 1.423.500.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng và trả tiền lãi do chậm thanh toán 327.755.610 đồng. Tổng cộng các khoản: 3.186.255.610 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần N đòi Công ty TNHH Q hoàn trả số tiền 1.291.500.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2020, Công ty Cổ phần N có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2020/KDTM-PT ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q đối với Công ty Cổ phần N.

2.1. Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC ngày 16/11/2018 và Phụ lục hợp đồng không số, không ghi ngày, tháng, năm do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q khởi kiện Công ty Cổ phần N không phát sinh hiệu lực.

2.2. Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q số tiền 1.291.500.000 đồng được khấu trừ vào 1.291.500.000 đồng do Cổ phần Năng lượng tái tạo N đã thanh toán tạm ứng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q. Công ty Cổ phần N đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q về việc buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán số tiền 2.858.500.000 đồng và 327.755.610 đồng tiền lãi.

4. Bác yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần N về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q phải hoàn trả số tiền 1.291.500.000 đồng.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 41/2021/KN-KDTM ngày 22/10/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2020/KDTM-PT ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 23/2023/KDTM-GĐT ngày 09/08/2023, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 41/2021/KN-KDTM ngày 22/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2020/KDTM-PT ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh còn giải quyết về hậu quả thi hành án.

Ngày 09/9/2023, Công ty N có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2024/KN-KDTM ngày 30/9/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Quyết định giám đốc thẩm số 23/2023/KDTM-GĐT ngày 09/8/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm huỷ Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2020/KDTM-PT ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13, 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty Q cho rằng ngày 16/11/2018, Công ty Q và Công ty N có ký kết Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC (viết tắt là Hợp đồng số 02) để Công ty Q thi công hoàn thiện khối lượng mặt bằng phá đá cho Công ty N với giá trị hợp đồng là 2.050.000.000 đồng. Quá trình thi công do mức độ khó khăn nên hai bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 02/2018/HĐ-EBC (viết tắt là Phụ lục số 02) với giá trị là 2.100.000.000 đồng. Công ty N đã chuyển tạm ứng và thanh toán cho Công ty Q theo Hợp đồng số 02 là 615.000.000 đồng, theo Phụ lục số 02 là 676.500.000 đồng. Công ty Q ký, đóng dấu Hợp đồng và Phụ lục trước, sau đó chuyển cho Công ty N ký nhưng Công ty N giữ lại, không chuyển trả cho Công ty Q. Tuy nhiên, các bên vẫn thực hiện Hợp đồng số 02 và Phụ lục số 02; Công ty Q đã hoàn thành công trình theo thỏa thuận, nên đề nghị Công ty N phải thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty Q theo Hợp đồng số 02 là 1.435.000.000 đồng, theo Phụ lục số 02 là 1.423.500.000 đồng và lãi suất do Công ty N chậm thanh toán.

[2] Bị đơn Công ty N cho rằng Công ty Q tự soạn thảo hợp đồng, ký tên, đóng dấu, giao cho nhân viên Công ty N, nhưng chưa được người có thẩm quyền của Công ty N chấp nhận nên không ký tên vào hợp đồng. Do đó, Công ty N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q và có yêu cầu phản tố đề nghị Công ty Q hoàn trả cho Công ty N số tiền đã chuyển tạm ứng 02 lần là 1.291.500.000 đồng.

[3] Xét giá trị pháp lý của Hợp đồng số 02: Mặc dù chưa có chữ ký của người có thẩm quyền của Công ty N, nhưng thực tế Hợp đồng này do Công ty N lưu giữ và xuất trình tại Tòa án. Tuy các bên chưa thực hiện thủ tục lập Biên bản bàn giao mặt bằng, Biên bản nghiệm thu, nhưng thực tế Công ty Q đã cho nổ đá, san lấp mặt bằng và quá trình thi công, Công ty N có cử nhân viên giám sát. Thực tế, Công ty Q đã hoàn thiện mặt bằng phá đá và Công ty N cũng đã tiến hành lắp đặt hệ thống Pin Mặt Trời trên diện tích thi công, không có ý kiến gì về chất lượng mặt bằng thi công. Hơn nữa, Công ty N đã chuyển tạm ứng cho Công ty Q số tiền 615.000.000 đồng theo sao kê tài khoản của Công ty N tại Ngân hàng V với nội dung *"TU-CONG TY NNTT BIM TU 30% HD HOAN THIEN KHOI LUONG MAT BANG PHA DA. PHUC VU THI CONG TAI CONG TRINH"*. Như vậy, có cơ sở để xác định Công ty N đã thể hiện ý chí đồng ý giao kết và thực hiện Hợp đồng số 02 với Công ty Q. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh công nhận hiệu lực của Hợp đồng số 02 là có căn cứ.

[4] Đối với Phụ lục số 02 (không thể hiện ngày, tháng, năm), Tòa án cấp sơ thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020 và Biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 của ông Nguyễn Đức P (người đại diện hợp pháp của Công ty N) thừa nhận Công ty N đã chuyển tạm ứng cho Công ty Q theo Phụ lục số 02 với số tiền 676.500.000 đồng; từ đó, xác định Công ty N đã đồng ý giao kết và thực hiện Phụ lục số 02 là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, chính ông P khai là không biết việc chuyển tiền, nên lời khai của ông P tại 02 tài liệu nêu trên chưa đủ cơ sở để chứng minh Công ty N đồng ý giao kết và thực hiện Phụ lục số 02. Trong khi đó, cũng tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty Q thừa nhận số tiền 615.000.000 đồng chuyển lần đầu là tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, còn số tiền 675.500.000 đồng chuyển lần 2 là tiền thanh toán hợp đồng; tại sao kê tài khoản của Công ty Q về khoản tiền chuyển lần 2 cũng ghi *"CONG TY NNTT BIM TT CHO CT QUAN THE SUPPLY"*. Hơn nữa, giá trị Hợp đồng số 02 là 2.050.000.000 đồng, trong khi Công ty N mới chuyển cho Công ty Q cả hai lần số tiền 1.291.500.000 đồng là chưa đủ để thanh toán Hợp đồng số 02 (giá trị 2.050.000.000 đồng). Mặt khác, tại "Biên bản thanh lý hợp đồng" ngày 10/01/2019 có chữ ký và đóng dấu của Công ty Q chỉ có nội dung: Công ty Q đã hoàn thiện mặt bằng phá đá theo Hợp đồng số 02 cho Công ty N có giá trị hợp đồng trước thuế là 2.050.000.000 đồng; trong Biên bản này không đề cập đến Phụ lục Hợp đồng số 02. Như vậy, số tiền 675.500.000 đồng Công ty N chuyển cho Công ty Q lần 2 chưa đủ cơ sở là thanh toán theo Phụ lục Hợp đồng số 02.

[5] Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị N (người đại diện theo pháp luật của Công ty Q) khai rằng: Đặt trường hợp vào Công ty Q thì Công ty cũng không thanh toán toàn bộ số tiền theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng vì chưa ký, chưa kiểm tra số lượng, khối lượng, chưa nghiệm thu.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Q; còn Tòa án cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công

ty Q vì cho rằng Hợp đồng số 02 và Phụ lục Hợp đồng số 02 không phát sinh hiệu lực đều là không đúng. Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phát hiện các sai sót nêu trên, hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm là không đúng. Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ và giải quyết, xét xử vụ án đúng pháp luật. Đồng thời cần xem xét kết quả việc thi hành án để giải quyết toàn diện vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2024/KN-KDTM ngày 30/9/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 23/2023/KDTM-GĐT ngày 09/8/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2020/KDTM-PT ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13, 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận về vụ án *"Tranh chấp hợp đồng thi công hoàn thiện mặt bằng phá đá"* giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Q với bị đơn là Công ty Cổ phần N.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC - Vụ 10;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện T, tỉnh Ninh Thuận (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện T, tỉnh Ninh Thuận;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GĐKT II TANDTC (3 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam